

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 231/2023/DS-ST

Ngày: 07 - 12 - 2023

*Về việc: Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Truyền

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2021/TLST-DS ngày 08/4/2021, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc M, sinh năm 1982, Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N-chi nhánh N1 (theo giấy ủy quyền số 166/NHNoNH-KHKD ngày 05/6/2023). (có mặt)

Địa chỉ chi nhánh N1: B Hậu Giang, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trương Vĩnh P – sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: A H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ: B N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Trọng Đ – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021 của Ngân hàng N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/9/2016 Ngân hàng N – Chi nhánh N1 và ông Trương Vĩnh P có ký hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 với số tiền ông P vay là 2.800.000.000đồng, mục đích vay để bù đắp tài chính chuyển nhượng nhà đất, thời hạn vay 60 tháng, trả nợ gốc mỗi kỳ là 01 tháng trả 47.000.000đồng trong 59 tháng đầu, tháng thứ 60 trả 27.000.000đồng, trả nợ lãi định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm ; lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là xe ô tô Lexus, số máy 2UR2010970, số khung 46F185005066, màu sơn đen, số chỗ ngồi 04 chỗ, biển số 51F-751.06 do Công an Thành phố H cấp ngày 04/8/2016 đứng tên chủ sở hữu là Công ty cổ phần T theo hợp đồng thế chấp số 6221LCL201600102 ngày 15/9/2016. Hiện Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51F-751.06.

Ngân hàng đã giao đủ tiền vay cho ông P là 2.800.000.000đồng vào ngày 16/9/2016, ông P có ký chứng từ giao dịch đề ngày 16/9/2016. Từ khi vay đến ngày 24/7/2017 ông P đã trả 11 kỳ với số tiền nợ gốc là 470.000.000đồng và tiền lãi là 236.205.254đồng. Từ ngày 25/7/2017 ông P ngưng trả nợ cho đến nay, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn gửi bưu điện cho ông P. Hiện ông P đã vi phạm Hợp đồng tín dụng là không trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn trả nợ như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Xe ô tô biển số 51F-751.06 do Công ty cổ phần T quản lý.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Trương Vĩnh P trả cho Ngân hàng N tổng số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 07/12/2023 là 4.441.567.355 đồng, trong đó có 2.330.000.000đồng nợ gốc, lãi trong hạn là 1.028.889.167 đồng, lãi quá hạn là 1.082.678.188 đồng đồng và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 kể từ ngày 08/12/2023 cho đến ngày thực tế ông P trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Trương Vĩnh P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo xe ô tô con Lexus, số máy 2UR2010970, số khung 46F185005066, màu sơn đen, số chỗ ngồi 04 chỗ, biển số 51F-751.06 do Công an Thành phố H cấp ngày 04/8/2016 đứng tên chủ sở hữu là Công ty cổ phần T theo hợp đồng thế chấp số 6221LCL201600102 ngày 15/9/2016, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì ông Trương Vĩnh P vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi trả hết nợ.

- Ông Trương Vĩnh P là bị đơn và ông Hà Trọng Đ đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai.

- Bà Võ Thị Ngọc H – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N buộc ông Trương Vĩnh P phải thanh toán tổng số tiền nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 tính đến ngày 07/12/2023 là 4.441.567.355đồng, gồm nợ gốc là 2.330.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 1.028.889.167đồng, nợ lãi quá hạn là 1.082.678.188đồng.

Ông Trương Vĩnh P phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 08/12/2023 cho đến ngày thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp ông Trương Vĩnh P không thanh toán hoặc thanh toán không đúng, không đầy đủ theo bản án có hiệu lực của Tòa án thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 6221LCL201600102 là xe ô tô Lexus LS600HL, số máy 2UR2010970, số khung 46F185005066, biển số 51F-751.06 đứng tên chủ sở hữu là Công ty cổ phần T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nhưng không đủ thanh toán thì ông Trương Vĩnh P vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N cho đến khi hết nợ.

3. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa cùng ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 22/02/2021 Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) nộp đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021 yêu cầu ông Trương Vĩnh P trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 được ký kết giữa ông Trương Vĩnh P và chi nhánh N1. Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100686174-063 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/01/2022) Ngân hàng N có chi nhánh N1 tại địa chỉ B Hậu Giang, Phường E, Quận F, do đó đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” phát sinh từ hoạt động của chi nhánh Ngân hàng N, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6 không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do ông Trương Vĩnh P và ông Hà Trọng Đ không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp (theo kết quả xác minh của Công an Phường 14 Quận E, Công an P1, Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy thành phố Cần Thơ, Biên bản của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang về việc đương sự không có mặt ở địa phương) theo hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 và hợp đồng thế chấp 6221LCL201600102 ngày 15/9/2016. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông P và ông Đ, nhưng ông P và ông Đ thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trương Vĩnh P là bị đơn và người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự, để triệu tập đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét việc ông Trương Vĩnh P là bị đơn và người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trương Vĩnh P là bị đơn và người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ cho ông Trương Vĩnh P và Công ty cổ phần T thông báo thụ lý số 283/TB-TLVA ngày 12/4/2021 và cho ông Hà Trọng Đ đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T thông báo thụ lý số 283a/TB-TLVA ngày 12/6/2023 về việc thụ lý vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo đơn khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông P trả tiền vay còn nợ. Phía ông P và người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần T không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông P và Công ty cổ phần T đã *“không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu ...”* mà bên Ngân hàng đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đại diện của Ngân hàng N, cho thấy:

Giao dịch giữa Ngân hàng N và ông Trương Vĩnh P là “Hợp đồng vay tài sản” với hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Số tiền ông Trương Vĩnh P vay của Ngân hàng N là 2.800.000.000đồng, mục đích vay để bù đắp tài chính chuyển nhượng nhà đất, thời hạn vay 60 tháng, trả nợ gốc mỗi kỳ là 01 tháng trả 47.000.000đồng trong 59 tháng đầu, tháng thứ 60 trả 27.000.000đồng, trả nợ lãi định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm ; lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ông Trương Vĩnh P đã nhận số tiền vay là 2.800.000.000đồng nêu trên theo chứng từ giao dịch ngày 16/9/2016.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Từ khi vay đến ngày 24/7/2017 ông P đã trả 11 kỳ với số tiền nợ gốc là 470.000.000đồng và tiền lãi là 236.205.254đồng. Sau đó ông P ngưng trả nợ cho đến nay, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn gửi bưu điện cho ông P.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trương Vĩnh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016. Do đó, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 4 Điều 13 thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, ông Trương Vĩnh P phải trả cho Ngân hàng N số tiền vay còn nợ gốc và lãi, như sau:

Về số tiền nợ gốc: Ông P đã trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 470.000.000đồng, nên còn phải trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ gốc là: 2.800.000.000đồng – 470.000.000đồng = 2.330.000đồng.

Về số tiền lãi: Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất vay thỏa thuận giữa Ngân hàng N và ông Trương Vĩnh P tại Điều 3 hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự ông P phải trả cho Ngân hàng N số tiền lãi tính đến ngày xét xử (tức ngày 07/12/2023) là: lãi trong hạn là 1.028.889.167 đồng, lãi quá hạn là 1.082.678.188 đồng.

Tổng số tiền ông Trương Vĩnh P phải trả cho Ngân hàng N là: 4.441.567.355 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Căn cứ khoản 1 Điều 278 Bộ luật Dân sự quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự do các bên thỏa thuận, nên ông P phải thực hiện việc thanh toán nợ vay theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 là trả nợ gốc 59 kỳ đầu là 47.000.000đồng vào ngày 20 hàng tháng, kỳ cuối trả 27.000.000đồng, trả nợ lãi vào ngày 20 hàng tháng. Tuy nhiên, từ ngày 25/7/2017 cho đến nay ông P đã ngưng thanh toán nợ nên theo thỏa thuận tại Điều 7 hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016, Ngân hàng N có quyền thu hồi nợ ngay. Vì vậy, ông Trương Vĩnh P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N toàn bộ số

tiền nợ gốc và lãi là 4.441.567.355 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, ông Trương Vĩnh P còn phải trả cho Ngân hàng N tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 trên dư nợ gốc tính từ ngày 08/12/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Về tài sản bảo đảm: Tại Điều 6 hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 Ngân hàng N và ông Trương Vĩnh P thỏa thuận bảo đảm tiền vay bằng tài sản với hình thức thế chấp và theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 6221LCL201600102 ngày 15/9/2016, tài sản thế chấp là xe ô tô Lexus, số máy 2UR2010970, số khung 46F185005066, màu sơn đen, số chỗ ngồi 04 chỗ, biển số 51F-751.06, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 189795 do Công an Thành phố H cấp ngày 04/8/2016 đứng tên chủ sở hữu là Công ty cổ phần T. Việc thế chấp tài sản này đã được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/9/2016. Như vậy, việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đúng theo qui định tại Điều 298, Điều 317, Điều 500, Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, căn cứ Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 56 và Điều 59 Nghị định 163/2006/ NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và thỏa thuận tại Điều 4 hợp đồng thế chấp số 6221LCL201600102 ngày 15/9/2016, Ngân hàng N yêu cầu phát mãi xe ô tô con hiệu Lexus biển số 51F-751.06 để thu hồi nợ trong trường hợp ông Trương Vĩnh P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ngân hàng N trình bày Công ty T quản lý xe xe ô tô Lexus LS600HL biển số 51F-751.06, phía ông P và Công ty T không có ý kiến về việc này. Do đó, trong trường hợp xe ô tô được phát mãi thì người đang quản lý sử dụng xe có nghĩa vụ giao xe cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc phát mãi.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Ông Trương Vĩnh P phải trả nợ cho Ngân hàng N số tiền nợ nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 112.441.567đồng.

Ngân hàng N được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.145.931đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0038627 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 147, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 303, Điều 317, Điều 466, Điều 500, Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N:

Buộc ông Trương Vĩnh P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 là 4.441.567.355 đồng (trong đó nợ gốc là 2.330.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07/12/2023 là 1.028.889.167 đồng lãi trong hạn và 1.082.678.188 đồng lãi quá hạn).

Ông Trương Vĩnh P phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền 4.441.567.355 (bốn tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi lăm) đồng nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông Trương Vĩnh P còn phải trả cho Ngân hàng N tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6221-LAV201600134 ngày 15/9/2016 trên dư nợ gốc, tính từ ngày 08/12/2023 cho đến khi trả hết nợ.

3. Sau khi được trả hết số nợ nêu trên, Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 189795 do Công an Thành phố H cấp ngày 04/8/2016 đứng tên chủ sở hữu là Công ty cổ phần T đối với xe ô tô Lexus LS600HL biển số 51F-751.06.

4. Trường hợp ông Trương Vĩnh P không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ vay nêu tại mục 1 và 2 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 6221LCL201600102 ngày 15/9/2016, số công chứng 16105704, quyển số 01 do Văn phòng C chứng nhận) là xe ô tô con hiệu Lexus, số máy 2UR2010970, số khung 46F185005066, màu sơn đen, số chỗ ngồi 04 chỗ, biển số 51F-751.06 (có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 189795 do Công an Thành phố H cấp ngày 04/8/2016 đứng tên chủ sở hữu là Công ty cổ phần T), để ưu tiên trả nợ cho Ngân hàng N.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì ông Trương Vĩnh P phải có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền nợ vay cho Ngân hàng N cho đến khi hết nợ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Vĩnh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 112.441.567 (một trăm mười hai triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn năm trăm sáu mươi bảy) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tạm ứng án phí đã nộp là 50.145.931 (năm mươi triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm ba mươi một) đồng

theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0038627 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Ông Trương Vĩnh P và Công ty Cổ phần T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa